TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨNG LIÊM** TỈNH VĨNH LONG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 22-4-2025
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM – TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Bà Ngô Thị Quyên.**
Các Hội thẩm nhân dân:
+ Ông **Đinh Minh Phương.**
+ Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.
- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Nguyễn Tấn Thành -** Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2025, về tranh chấp *"*Ly hôn*"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2025/QĐXX-ST ngày 03 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh ngày: 01/01/1976 (vắng, có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông **Tạ Văn Ú**, sinh năm: 1971 (vắng).

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có đơn xin vắng mặt nhưng tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2025 bà Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Tạ Văn Ú do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V. Sau ngày cưới vợ chồng bà sống chung gia đình cha mẹ ruột của ông Ú. Thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 29 năm đến tháng 10 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn do ông Ú có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà và ông Ú đã không còn sống chung với nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Ú.

- Về con chung: Bà và ông Ú có 02 người con chung tên Tạ Văn C, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1996 và Tạ Hoài N, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1998. Hiện nay cháu C và cháu N đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung phải thu phải trả của vợ chồng: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Ú đã được Tòa án tiến hành tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng ông Ú không đến Tòa án nên không có lời trình bày.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa bà T và bị đơn ông Ú, ông Ú có nơi cư trú tại ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Nguyên đơn bà T có đơn xin vắng mặt không tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các phiên tòa sơ thẩm nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà T. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Ú vắng mặt, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho ông Ú nhưng ông Ú cũng không đến Tòa án nên căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Ú.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Ú do quen biết rồi tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 13/4/2000 nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Ú là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống theo bà T trình bày thì thời gian vợ chồng chung sống hạnh phúc được 29 năm đến tháng 10 năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Ú có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà T và ông Ú không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2024 cho đến nay. Vào ngày 23/10/2023 thì bà T đã nộp đơn khởi kiện ly hôn với ông Ú tại Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm nhưng sau đó bà T muốn cho ông Ú cơ hội để vợ chồng đoàn tụ nên vào ngày 23/02/2024 thì bà T đã tự nguyện rút đơn khởi kiện. Ngày 23/02/2024 Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa bà T và ông Ú. Do đó xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà T

và ông Ú đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà T yêu cầu ly hôn với ông Ú, ông Ú vắng mặt nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: Bà T và ông Ú có 02 người con chung tên Tạ Văn C, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1996 và Tạ Hoài N, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1998. Hiện nay cháu C và cháu N đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Ú vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Ú vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 9, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị T.

Về hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Tạ Văn Ú.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Tạ Văn Ú có 02 người con chung tên Tạ Văn C, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1996 và Tạ Hoài N, sinh ngày 12 tháng 6 năm 1998. Cháu Tạ Văn C và cháu Tạ Hoài N đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Tạ Văn Ú vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông Tạ Văn Ú vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà bà Nguyễn Thị T đã nộp theo biên lai thu số №0009781, ngày 15/01/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- UBND xã Trung Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Ngô Thị Quyên